

Bản án số: 49/2020/HS-ST

Ngày: 29-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Phan Ngọc Rỹ
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hân- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu D; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955; Vợ tên Phạm Thị T, sinh năm 1980, có 01 con chung tên Nguyễn Hữu C, sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/01/2019 đến ngày 24/01/2019 chuyển sang tạm giam đến nay (có mặt).

- Bị hại: Lý Minh H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Thương mại cổ phần V – Chi nhánh T, Phòng giao dịch K. Địa chỉ trụ sở: Phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. – Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn D, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, theo văn bản ủy quyền ngày 26/11/2019. (có mặt)

2. Trần Hữu N, sinh năm 1979. Địa chỉ: Phường 1, thành phố T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

3. Vũ Thị Thùy D, sinh năm 1991. Địa chỉ: phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

4. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn D, xã N, Huyện D, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

5. Nguyễn Văn T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 4, Phường H, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

6. Phạm Thị T, sinh năm 1980.

Đại diện theo ủy quyền của bà Tỉnh là ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1980 theo văn bản ủy quyền ngày 06/12/2019. (có mặt)

Cùng hộ khẩu thường trú: xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

-Người làm chứng:

1. Trần Duy H, sinh năm 1967. Địa chỉ: phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

2. Phạm Văn M, sinh năm 1968. Địa chỉ: tổ 19, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

3. Nguyễn Minh H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Phường 6, T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

4. Võ Bùi Minh P, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

5. Bùi Tấn L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Quốc lộ 1, Phường 2, thành phố T, Long An. (vắng mặt)

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Trần Văn C, Văn phòng luật sư Nguyễn Anh T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/11/2018, D đem xe tải biển số 17C-060.58 đến tiệm cầm đồ của Trần Hữu N để thế chấp chiếc xe với số tiền 150.000.000 đồng, đến ngày 18/11/2018, D tiếp tục gặp N để vay thêm 50.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng thế chấp ngày 15/11/2018, D đưa N giữ các giấy tờ gồm: Một giấy chứng nhận đăng ký xe bản sao có công chứng, một giấy phép lái xe của Nguyễn Hữu D và một tờ giấy biên nhận ngày 04/10/2018 về việc giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp của Ngân hàng V. Sau khi tiếp nhận xe và giấy tờ, N và D mang xe tải đến gửi tại bãi giữ xe ô tô Lý H tại địa chỉ Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An do Lý Minh H, sinh năm 1980, hộ khẩu thường trú phường K, thành phố T, tỉnh Long An, làm chủ. Sau khi đưa xe vào bãi, D đưa H giữ 02 chìa khóa xe rồi về. Đầu tháng 12/2018, do Ngân hàng V nhiều lần gọi điện yêu cầu D trả nợ quá hạn, D có ý định bán xe nhưng không có người đồng ý mua. Do không bán được xe, D nảy sinh ý định trộm chiếc xe tải đang gửi tại bãi giữ xe của H để thanh lý nợ cho ngân hàng và trả nợ cho N. Khoảng 22 giờ ngày 18/12/2018, D gọi điện cho H nói dối, nhờ ông H đem xe tải ra đậu ngoài đường phía trước bãi xe vì sợ để trong bãi xe chuột lại cắn dây điện, đến 09 giờ sáng hôm sau D sẽ chuộc lại xe và đem đi. Do không nghĩ ngờ nên H đem xe tải đậu phía trước bãi xe rồi khóa cửa và mang chìa

khóa xe vào trong nhà ngủ. Khoảng 03 giờ 20 phút ngày 19/12/2018, D rời khỏi nhà nghỉ H và thuê taxi chở đến bãi xe Lý H. Thấy xe ô tô tải đang đậu ngoài đường, không ai trông giữ, xung quanh vắng người, D dùng chìa khóa dự phòng của mình mang theo để mở cửa xe, nổ máy và chạy ra hướng Quốc lộ 62, về Quốc lộ 1A và về Thành Phố Hồ Chí Minh rồi về tỉnh Thái Bình.

Ngày 05/01/2019, D điều khiển xe tải về đến tỉnh Thái Bình. Tại đây, D liên lạc với Vũ Thị Thùy D - Cán bộ tín dụng Ngân hàng V để bàn giao xe cho ngân hàng. Sau đó, Nguyễn Văn Quyết, cũng là cán bộ tín dụng ngân hàng V, liên lạc và hướng dẫn D điều khiển xe đến Nhà văn hóa lao động tỉnh Thái Bình thuộc phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để gửi xe và D giao chìa khóa xe cho Q giữ với mục đích là tạm bàn giao xe lại cho ngân hàng, chờ D bán xe để trả nợ ngân hàng. Đến ngày 14/01/2019, D liên hệ với Nguyễn Văn T- Giám đốc Ngân hàng V và Vũ Thị Thùy D - Cán bộ tín dụng ngân hàng để nhận lại xe và điều khiển đến Thành Phố Hải Phòng cho người mua xem xe để bán lấy tiền trả nợ ngân hàng. Do không thương lượng được giá nên D chưa bán được xe. Đến 15 giờ 30 phút ngày 16/01/2019, D bị lực lượng Công an phát hiện cùng với xe tải biển số 17C-060.58 tại khu công nghiệp T thuộc huyện V, Thành Phố Hải Phòng, sau đó được đưa về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Long An để phục vụ công tác điều tra. Quá trình làm việc, D đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngày 20/12/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tân An có kết luận định giá về tài sản số 367/KL-HĐĐG xác định giá trị tài sản là 916.000.000 đồng.

Vật chứng được thu giữ trong quá trình điều tra như sau:

- 01 chiếc xe ô tô tải biển số 17C-060.58, có mui, nhãn hiệu DongFeng, số khung LGAXPM6X4F4053546, số máy L31530*78599835*, được sản xuất năm 2015 tại Việt Nam.

- 01 điện thoại di động Iphone, vỏ màu trắng, sim số 0329006825.

Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKSLA-P1 ngày 10/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Hữu D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017;

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về bản kết luận giám định, đồng thời không có khiếu nại gì đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu N trình bày: Ông là chủ tiệm cầm đồ đã gửi xe tại bãi xe Lý H, cho D thế chấp xe tải để vay 200.000.000 đồng. Hiện tại ông đã nhận 100.000.000đ từ Ngân hàng để xóa nợ cho bị cáo, ông không yêu cầu gì thêm.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V trình bày: Ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng trị giá 800.000.000 đồng cho bị cáo D mua trả góp xe tải số 5879927 ngày 09/01/2019 theo hình thức trả lãi và gốc hàng tháng, D đã trả 366.663.000 đồng tiền

nợ gốc và 191.537.478 đồng tiền lãi, còn nợ 433.337.000 đồng. Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Long An giao xe là tài sản đảm bảo cho Ngân hàng V để thu hồi nợ.

Ngày 21/9/2020 giữa Đại diện của V, ông Trần Hữu N và bị cáo D đã thỏa thuận với nội dung: Ngân hàng giao cho ông N 100.000.000đ để xóa nợ cho bị cáo D; ông N giao cho Ngân hàng chiếc xe ô tô tải để xử lý nợ.

Ngân hàng V đã nhận chiếc xe từ Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An (giấy tờ xe đang thế chấp tại Ngân hàng) và xử lý xong tài sản đảm bảo, sau khi khấu trừ nợ thì hiện nay bị cáo D đã trả xong khoản nợ vốn, chỉ còn nợ tiền lãi 172.726.687 đồng. Bà Phạm Thị T là vợ của bị cáo D đã ủy quyền toàn bộ nghĩa vụ xử lý nợ cho bị cáo D và Ngân hàng đồng ý việc chuyển giao nghĩa vụ xử lý nợ. Ngân hàng chỉ yêu cầu bị cáo Nguyễn Hữu D tiếp tục trả nợ lãi và chấp nhận sẽ xem xét giảm khoản nợ lãi cho bị cáo khi bị cáo hoặc người nhà bị cáo thi hành nghĩa vụ trả khoản nợ lãi này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa vẫn giữ quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 4 Điều 173; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017, xử phạt bị cáo: từ 6 đến 8 năm tù và buộc bị cáo trả tiền lãi cho Ngân hàng theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và các đương sự đã thỏa thuận xong nên không đề cập.

Luật sư Trần Văn Cường bào chữa cho bị cáo trình bày: Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên Cáo trạng truy tố bị cáo là có cơ sở. Đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo theo Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo có tác động gia D khắc phục hậu quả, bị cáo biết ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia D khó khăn, gia D có công với cách mạng. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo với mức án thấp hơn mức án Kiểm sát viên đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Long An; của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng; Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước tòa có đủ căn cứ xác định: Do cần tiền trả nợ cho Ngân hàng, khoảng 03 giờ 20 phút ngày 19/12/2018, D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe ô tô tải biển số 17C-060.58, số khung LGAXPM6X4F4053546, số máy L31530*78599835*, tải trọng 17,8 tấn. Đây là tài sản mà bị cáo đang thế chấp cho chủ tiệm cầm đồ là ông Trần Hữu N và ông N đã đem xe gửi tại bãi giữ xe của ông Lý Minh H tại địa chỉ Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An.

Ngày 05/01/2019, D điều khiển xe tải về đến tỉnh Thái Bình. Đến 15 giờ 30 phút ngày 16/01/2019, D bị lực lượng Công an phát hiện cùng với xe tải biển số 17C-060.58 tại khu công nghiệp T thuộc huyện V, thành phố H, sau đó được đưa về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Long An để phục vụ công tác điều tra.

[3] Hành vi của bị cáo lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông H, bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản là chiếc xe ô tô tải biển số 17C-060.58, số khung LGAXPM6X4F4053546, số máy L31530*78599835*, tải trọng 17,8 tấn trị giá 916.000.000 đồng, hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất an ninh trật tự, trị an của địa phương. Vì vậy cần có mức án thật nghiêm để trừng phạt, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã bồi thường xong toàn bộ thiệt hại, bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do làm ăn thua lỗ trong kinh doanh nên phạm tội, hoàn cảnh gia D khó khăn, có cha mẹ già, 2 con nhỏ, vợ bị cáo bỏ đi, gia D bị cáo có công với cách mạng, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 21/9/2020 giữa đại diện Ngân hàng, ông N và bị cáo D đã thỏa thuận Ngân hàng giao cho ông N 100.000.000đ, ông N đã nhận và xóa nợ cho bị cáo, ông N không yêu cầu gì thêm. Ông N đồng ý giao xe ô tô tải biển số 17C-060.58 cho VPBank Chi nhánh Thái Bình. Ngân hàng đã xử lý xong tài sản đảm bảo. Trách nhiệm bồi thường giữa các bên đã thực hiện xong.

Đối với việc Ngân hàng yêu cầu bị cáo tiếp tục trả số tiền lãi còn nợ là 172.726.687 đồng, bị cáo đồng ý trả toàn bộ số nợ lãi này. Bà Phạm Thị Tĩnh là vợ

của bị cáo D đã ủy quyền toàn bộ nghĩa vụ xử lý nợ cho bị cáo D và Ngân hàng đồng ý việc chuyển giao nghĩa vụ. Xét thấy thỏa thuận trên của các bên là tự nguyện, không trái pháp luật, cần ghi nhận.

[6] Vật chứng thu giữ:

- 01 chiếc xe ô tô tải biển số 17C-060.58, có mui, nhãn hiệu DongFeng, số khung LGAXPM6X4F4053546, số máy L31530*78599835*, được sản xuất năm 2015 tại Việt Nam, đã giao cho Ngân hàng xử lý nên không đề cập.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 điện thoại di động Iphone, vỏ màu trắng, sim số 0329006825. Vật chứng trên đang do Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An quản lý.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ Điểm a Khoản 4 Điều 173; điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu D **05 (năm) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2019.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Hữu D 45 ngày sau khi tuyên án để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 246, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Công nhận sự thỏa thuận giữa Đại diện của Ngân hàng V với bị cáo Nguyễn Hữu D.

Bị cáo Nguyễn Hữu D cho nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V số tiền nợ lãi là 172.726.687 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 điện thoại di động Iphone, vỏ màu trắng, sim số 0329006825.

(Vật chứng trên đang do Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Long An quản lý theo Theo quyết định chuyển vật chứng số 238/QĐ-VKSLA-P2 ngày 10/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An).

4. Án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 8.636.334 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01);
- VKSNDCC tại TPHCM (01);
- VKSND tỉnh Long An (01);
- Cục THADS tỉnh Long An (01);
- Sở TP tỉnh Long An (01);
- Bị cáo (01);
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Dung